CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ THỌ
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
Địa chỉ: Số 8 – đường Trần Phú – Tân Dân – Việt Trì – Phú Thọ
Tel: 02103846531 - 02103848064

VILAS 1301

Số: 99 - 26 /QLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên khách hàng/ *Customer name:* Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ.

Địa chỉ/ *Address:* Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Tên mẫu/ *Sample name:* Mẫu 1 - 01/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại bể chứa Xí nghiệp nước sạch Việt Trì.
Mẫu 2 - 02/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Nguyễn Văn Tài- phường Việt Trì- Xí nghiệp nước sạch Việt Trì.
Mẫu 3 - 03/17/08/26:Mẫu nước máy qua xử lý tại:Vũ Thị Hương – KDC Vân Cơ - phường Nông Trang - Xí nghiệp nước sạch Việt Trì.
Mẫu 4 - 04/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Vũ Mạnh Tuấn – KDC Tân Việt - Xí nghiệp nước sạch Việt Trì.

Tình trạng mẫu/ *Obervation of sample*: Đựng trong chai nhựa, bảo quản nhiệt độ thường

Số lượng mẫu/ *Quantity of sample:* 04 Mã số mẫu/ *Code of sample*: 01- 04/17/08/26

Ngày gửi mẫu/ *Send date of sample*: 17/08/2026 Ngày kiểm nghiệm/ *Check date*: 17 - 31/08/2026

Lưu mẫu/ *Save of sample:* Theo QĐ-01.

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả			
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3	Mẫu 4
1	Độ đục (*)	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,27	0,28	0,31	0,28
2	pH (*)	-	TCVN 6492: 2011	6,0- 8,5	7,56	7,58	7,61	7,60
3	Clo dư (*)	mg/l	Hach 8021	0,2- 1,0	0,68	0,56	0,40	0,52
4	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185: 2015	15	4,60	4,80	5,00	4,82
5	Mùi (*)	-	HDTN 04- 2026	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	Sắt (Fe) (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	0,02	0,02	0,03	0,02

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả			
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3	Mẫu 4
7	Độ cứng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	110	110	110	110
8	Nitrit (NO_2^-) (tính theo N) (*)	mg/l	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0,9	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
9	Chỉ số pemanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	0,29	0,29	0,32	0,32
10	Mangan (Mn) (*)	mg/l	TCVN 6002: 1995	0,1	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
11	Cyanua (CN^-)	mg/l	Nội bộ	0,05	0,0	0,0	0,0	0,0
12	Sunphat (SO_4^{2-})	mg/l	Hach 8051	250	4,00	4,00	4,00	4,00
13	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	Hach 8039	11	0,70	0,73	0,78	0,75
14	Nhôm (Al)	mg/l	Hach 8012	0,2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
15	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/l	Hach 8155	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
16	Đồng (Cu)	mg/l	Hach 8506	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
17	Chì (Pb)	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0	0,0
18	Kẽm (Zn)	mg/l	Hach 8009	2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
19	Asen (As)	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0	0,0

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả			
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3	Mẫu 4
20	Coliforms (**)	CFU/ 100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH	KPH
21	E.coli(**)	CFU/ 100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH	KPH

Ghi chú:

- Giới hạn theo QCVN: 01-1:2024/BYT
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử
- KPH: Không phát hiện (Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định
- Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu đã được công nhận phù hợp với ISO/IEC: 17025:2017
- Chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Việt Trì, ngày 31 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN THỬ NGHIỆM VIÊN	PHÓ PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC	LÃNH ĐẠO DUYỆT
Nguyễn Thị Thu Trang	Nguyễn Thị Tuyến	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Nam Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ THỌ
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
Địa chỉ: Số 8 – đường Trần Phú – Tân Dân – Việt Trì – Phú Thọ
Tel: 02103846531 - 02103848064

VILAS 1301

Số: 100 - 26 /QLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên khách hàng/ *Customer name:* Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ.
Địa chỉ/ *Address:* Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Tên mẫu/ *Sample name:* Mẫu 1- 05/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại bể chứa Xí nghiệp cấp nước Phong Châu
Mẫu 2 - 06/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Đào Quốc Việt – thôn 10 - xã Bình Phú - Xí nghiệp cấp nước Phong Châu
Mẫu 3- 07/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Nguyễn Thị Thu Hà- thôn 6- xã Bình Phú- Xí nghiệp cấp nước Phong Châu
Tình trạng mẫu/ *Obervation of sample*: Đựng trong chai nhựa, bảo quản nhiệt độ thường
Số lượng mẫu/ *Quantity of sample:* 03 Mã số mẫu/ *Code of sample*: 05- 07/17/08/26
Ngày gửi mẫu/ *Send date of sample*: 17/08/2026 Ngày kiểm nghiệm/ *Check date*: 17- 31/08/2026
Lưu mẫu/ *Save of sample:* Theo QĐ-01.

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
1	Độ đục (*)	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,30	0,35	0,36
2	pH (*)	-	TCVN 6492: 2011	6,0- 8,5	7,48	7,55	7,58
3	Clo dư (*)	mg/l	Hach 8021	0,2- 1,0	0,60	0,37	0,30
4	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185: 2015	15	5,20	5,60	5,70
5	Mùi (*)	-	HDTN 04- 2026	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	Sắt (Fe) (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	0,01	0,02	0,02
7	Độ cứng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	100	100	100

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
8	Nitrit (NO_2^-) (tính theo N) (*)	mg/l	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0,9	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
9	Chỉ số pemanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	0,32	0,38	0,41
10	Mangan (Mn) (*)	mg/l	TCVN 6002: 1995	0,1	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
11	Cyanua (CN^-)	mg/l	Nội bộ	0,05	0,0	0,0	0,0
12	Sunphat (SO_4^{2-})	mg/l	Hach 8051	250	5,00	5,00	5,00
13	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	Hach 8039	11	0,78	0,80	0,76
14	Nhôm (Al)	mg/l	Hach 8012	0,2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
15	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/l	Hach 8155	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
16	Đồng (Cu)	mg/l	Hach 8506	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
17	Chì (Pb)	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
18	Kẽm (Zn)	mg/l	Hach 8009	2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
19	Asen	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
20	Coliforms(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
21	E.coli(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú:

- Giới hạn theo QCVN: 01-1:2024/BYT
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử
- KPH: Không phát hiện (Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định
- Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu đã được công nhận phù hợp với ISO/IEC: 17025:2017
- Chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Việt Trì, ngày 31 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN THỬ NGHIỆM VIÊN	PHÓ PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC	LÃNH ĐẠO DUYỆT
Nguyễn Thị Thu Trang	Nguyễn Thị Tuyến	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Nam Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ THỌ
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
Địa chỉ: Số 8 – đường Trần Phú – Tân Dân – Việt Trì – Phú Thọ
Tel: 02103846531 - 02103848064

VILAS 1301

Số: 101 - 26 /QLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên khách hàng/ *Customer name:* Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ.
Địa chỉ/ *Address:* Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Tên mẫu/ *Sample name:* Mẫu 1- 08/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại bể chứa Xí nghiệp cấp nước Thanh Thuỷ
Mẫu 2 - 09/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Công ty TaKao Granite, Tam Nông- Xí nghiệp cấp nước Thanh Thuỷ
Mẫu 3- 10/17/08/26:Mẫu nước máy qua xử lý tại: Phan Hồng Lan – khu 5 – Hồng Đà - Xí nghiệp cấp nước Thanh Thuỷ
Tình trạng mẫu/ *Obervation of sample*: Đựng trong chai nhựa, bảo quản nhiệt độ thường
Số lượng mẫu/ *Quantity of sample:* 03 Mã số mẫu/ *Code of sample*: 08- 10/17/08/26
Ngày gửi mẫu/ *Send date of sample*: 17/08/2026 Ngày kiểm nghiệm/ *Check date*: 17- 31/08/2026
Lưu mẫu/ *Save of sample:* Theo QĐ-01.

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
1	Độ đục (*)	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,38	0,42	0,40
2	pH (*)	-	TCVN 6492: 2011	6,0- 8,5	7,40	7,45	7,42
3	Clo dư (*)	mg/l	Hach 8021	0,2- 1,0	0,64	0,26	0,45
4	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185: 2015	15	5,00	5,60	5,52
5	Mùi (*)	-	HDTN 04- 2026	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	Sắt (Fe) (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	0,01	0,02	0,01
7	Độ cứng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	80	80	80

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
8	Nitrit (NO_2^-) (tính theo N) (*)	mg/l	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0,9	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
9	Chỉ số pemanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	0,26	0,35	0,29
10	Mangan (Mn) (*)	mg/l	TCVN 6002: 1995	0,1	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
11	Cyanua (CN^-)	mg/l	Nội bộ	0,05	0,0	0,0	0,0
12	Sunphat (SO_4^{2-})	mg/l	Hach 8051	250	4,50	4,50	4,50
13	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	Hach 8039	11	0,75	0,78	0,76
14	Nhôm (Al)	mg/l	Hach 8012	0,2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
15	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/l	Hach 8155	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
16	Đồng (Cu)	mg/l	Hach 8506	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
17	Chì (Pb)	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
18	Kẽm (Zn)	mg/l	Hach 8009	2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
19	Asen	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
20	Coliforms(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
21	E.coli(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú:

- Giới hạn theo QCVN: 01-1:2024/BYT
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử
- KPH: Không phát hiện (Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định
- Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu đã được công nhận phù hợp với ISO/IEC: 17025:2017
- Chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Việt Trì, ngày 31 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN THỬ NGHIỆM VIÊN	PHÓ PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC	LÃNH ĐẠO DUYỆT
Nguyễn Thị Thu Trang	Nguyễn Thị Tuyến	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Nam Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ THỌ
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
Địa chỉ: Số 8 – đường Trần Phú – Tân Dân – Việt Trì – Phú Thọ
Tel: 02103846531 - 02103848064

VILAS 1301

Số: 102-26 /QLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên khách hàng/ *Customer name:* Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ.
Địa chỉ/ *Address:* Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Tên mẫu/ *Sample name:* Mẫu 1- 11/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại bể chứa Xí nghiệp cấp nước Phú Thọ
Mẫu 2- 12/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Hà Tiến Dũng - Phường Âu Cơ - Xí nghiệp cấp nước Phú Thọ
Mẫu 3- 13/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Nguyễn Ngọc Dung - Phường Phú Thọ - Xí nghiệp cấp nước Phú Thọ
Tình trạng mẫu/ *Obvervation of sample*: Đựng trong chai nhựa, bảo quản nhiệt độ thường
Số lượng mẫu/ *Quantity of sample:* 03 Mã số mẫu/ *Code of sample*: 11- 13/17/08/26
Ngày gửi mẫu/ *Send date of sample*: 17/08/2026 Ngày kiểm nghiệm/ *Check date*: 17- 31/08/2026
Lưu mẫu/ *Save of sample:* Theo QĐ-01.

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
1	Độ đục (*)	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,20	0,22	0,21
2	pH (*)	-	TCVN 6492: 2011	6,0- 8,5	7,60	7,62	7,60
3	Clo dư (*)	mg/l	Hach 8021	0,2- 1,0	0,60	0,50	0,40
4	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185: 2015	15	5,05	5,28	5,10
5	Mùi (*)	-	HDTN 04- 2026	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	Sắt (Fe) (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	0,03	0,03	0,03
7	Độ cứng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	120	120	120

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
8	Nitrit (NO_2^-) (tính theo N) (*)	mg/l	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0,9	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
9	Chỉ số pemanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	0,45	0,51	0,51
10	Mangan (Mn) (*)	mg/l	TCVN 6002: 1995	0,1	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
11	Cyanua (CN^-)	mg/l	Nội bộ	0,05	0,0	0,0	0,0
12	Sunphat (SO_4^{2-})	mg/l	Hach 8051	250	4,00	4,00	4,00
13	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	Hach 8039	11	0,80	0,78	0,81
14	Nhôm (Al)	mg/l	Hach 8012	0,2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
15	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/l	Hach 8155	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
16	Đồng (Cu)	mg/l	Hach 8506	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
17	Chì (Pb)	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
18	Kẽm (Zn)	mg/l	Hach 8009	2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
19	Asen	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
20	Coliforms(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
21	E.coli(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú:

- Giới hạn theo QCVN: 01-1:2024/BYT
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử
- KPH: Không phát hiện (Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định
- Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu đã được công nhận phù hợp với ISO/IEC: 17025:2017
- Chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Việt Trì, ngày 31 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN THỬ NGHIỆM VIÊN	PHÓ PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC	LÃNH ĐẠO DUYỆT
Nguyễn Thị Thu Trang	Nguyễn Thị Tuyến	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Nam Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ THỌ
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
Địa chỉ: Số 8 – đường Trần Phú – Tân Dân – Việt Trì – Phú Thọ
Tel: 02103846531 - 02103848064

VILAS 1301

Số: 103 - 26 /QLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên khách hàng/ *Customer name:* Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ.
Địa chỉ/ *Address:* Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Tên mẫu/ *Sample name:* Mẫu 1- 14/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại bể chứa Xí nghiệp cấp nước Cẩm Khê
Mẫu 2- 15/17/08/26Mẫu nước máy qua xử lý tại: Hà Thị Liệu -khu Đông Viên - xã Cẩm Khê- Xí nghiệp cấp nước Cẩm Khê
Mẫu 3- 16/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Nguyễn Thị Ngoan - khu Sơn Hà - xã Cẩm Khê - Xí nghiệp cấp nước Cẩm Khê
Tình trạng mẫu/ *Obvervation of sample*: Đựng trong chai nhựa, bảo quản nhiệt độ thường
Số lượng mẫu/ *Quantity of sample:* 03 Mã số mẫu/ *Code of sample*: 14- 16/17/08/26
Ngày gửi mẫu/ *Send date of sample*: 17/08/2026 Ngày kiểm nghiệm/ *Check date*: 17- 31/08/2026
Lưu mẫu/ *Save of sample:* Theo QĐ-01.

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
1	Độ đục (*)	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,16	0,22	0,30
2	pH (*)	-	TCVN 6492: 2011	6,0- 8,5	7,58	7,65	7,62
3	Clo dư (*)	mg/l	Hach 8021	0,2- 1,0	0,62	0,42	0,38
4	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185: 2015	15	4,80	5,12	5,28
5	Mùi (*)	-	HDTN 04- 2026	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	Sắt (Fe) (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	0,02	0,03	0,02
7	Độ cứng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	120	120	120

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
8	Nitrit (NO_2^-) (tính theo N) (*)	mg/l	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0,9	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
9	Chỉ số pemanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	0,35	0,38	0,41
10	Mangan (Mn) (*)	mg/l	TCVN 6002: 1995	0,1	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
11	Cyanua (CN^-)	mg/l	Nội bộ	0,05	0,0	0,0	0,0
12	Sunphat (SO_4^{2-})	mg/l	Hach 8051	250	5,00	5,00	5,00
13	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	Hach 8039	11	0,80	0,82	0,83
14	Nhôm (Al)	mg/l	Hach 8012	0,2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
15	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/l	Hach 8155	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
16	Đồng (Cu)	mg/l	Hach 8506	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
17	Chì (Pb)	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
18	Kẽm (Zn)	mg/l	Hach 8009	2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
19	Asen	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
20	Coliforms(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
21	E.coli(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú:

- *Giới hạn theo QCVN: 01-1:2024/BYT*
- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử*
- *KPH: Không phát hiện (Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)*
- *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ*
- *Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng*
- *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định*
- *Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu đã được công nhận phù hợp với ISO/IEC: 17025:2017*
- *Chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.*

Việt Trì, ngày 31 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN THỬ NGHIỆM VIÊN	PHÓ PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC	LÃNH ĐẠO DUYỆT
Nguyễn Thị Thu Trang	Nguyễn Thị Tuyến	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Nam Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ THỌ
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
Địa chỉ: Số 8 – đường Trần Phú – Tân Dân – Việt Trì – Phú Thọ
Tel: 02103846531 - 02103848064

VILAS 1301

Số: 104-26 /QLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên khách hàng/ *Customer name:* Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ.
Địa chỉ/ *Address:* Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Tên mẫu/ *Sample name:* Mẫu 1-17/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại bể chứa Xí nghiệp cấp nước Thanh Sơn
Mẫu 2 -18/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Trung tâm y tế khu vực Thanh Sơn - Xí nghiệp cấp nước Thanh Sơn
Mẫu 3 -19/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Ông Phượng – khu 8 - xã Thanh Sơn -Xí nghiệp cấp nước Thanh Sơn
Tình trạng mẫu/ *Obervation of sample*: Đựng trong chai nhựa, bảo quản nhiệt độ thường
Số lượng mẫu/ *Quantity of sample:* 03 Mã số mẫu/ *Code of sample*: 17- 19/17/08/26
Ngày gửi mẫu/ *Send date of sample*: 17/08/2026 Ngày kiểm nghiệm/ *Check date*: 17- 31/08/2026
Lưu mẫu/ *Save of sample:* Theo QĐ-01.

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
1	Độ đục (*)	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,44	0,45	0,48
2	pH (*)	-	TCVN 6492: 2011	6,0- 8,5	7,46	7,45	7,50
3	Clo dư (*)	mg/l	Hach 8021	0,2- 1,0	0,60	0,48	0,40
4	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185: 2015	15	5,80	6,00	6,30
5	Mùi (*)	-	HDTN 04- 2026	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	Sắt (Fe) (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	0,03	0,03	0,03

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
7	Độ cứng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	60	60	60
8	Nitrit (NO_2^-) (tính theo N) (*)	mg/l	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0,9	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
9	Chỉ số pemanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	0,51	0,54	0,54
10	Mangan (Mn) (*)	mg/l	TCVN 6002: 1995	0,1	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
11	Cyanua (CN^-)	mg/l	Nội bộ	0,05	0,0	0,0	0,0
12	Sunphat (SO_4^{2-})	mg/l	Hach 8051	250	4,00	4,00	4,00
13	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	Hach 8039	11	0,68	0,70	0,69
14	Nhôm (Al)	mg/l	Hach 8012	0,2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
15	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/l	Hach 8155	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
16	Đồng (Cu)	mg/l	Hach 8506	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
17	Chì (Pb)	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
18	Kẽm (Zn)	mg/l	Hach 8009	2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
19	Asen	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
20	Coliforms(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH
21	E.coli(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú:

- *Giới hạn theo QCVN: 01-1:2024/BYT*
- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử*
- *KPH: Không phát hiện (Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)*
- *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ*
- *Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng*
- *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định*
- *Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu đã được công nhận phù hợp với ISO/IEC: 17025:2017*
- *Chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.*

Việt Trì, ngày 31 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN THỬ NGHIỆM VIÊN	PHÓ PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC	LÃNH ĐẠO DUYỆT
Nguyễn Thị Thu Trang	Nguyễn Thị Tuyến	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Nam Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ THỌ
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
Địa chỉ: Số 8 – đường Trần Phú – Tân Dân – Việt Trì – Phú Thọ
Tel: 02103846531 - 02103848064

VILAS 1301

Số: 105 - 26 /QLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên khách hàng/ *Customer name:* Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ.
Địa chỉ/ *Address:* Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Tên mẫu/ *Sample name:* Mẫu 1- 20/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại bể chứa Xí nghiệp cấp nước Hạ Hoà
Mẫu 2- 21/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Hồ Đình Kiều- thôn 9- xã Hạ Hoà- Xí nghiệp cấp nước Hạ Hoà
Mẫu 3- 22/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Nguyễn Thông- thôn 10- xã Hạ Hoà- Xí nghiệp cấp nước Hạ Hoà
Tình trạng mẫu/ *Obervation of sample*: Đựng trong chai nhựa, bảo quản nhiệt độ thường
Số lượng mẫu/ *Quantity of sample:* 03 Mã số mẫu/ *Code of sample*: 20- 22/17/08/26
Ngày gửi mẫu/ *Send date of sample*: 17/08/2026 Ngày kiểm nghiệm/ *Check date*: 17- 31/08/2026
Lưu mẫu/ *Save of sample:* Theo QĐ-01.

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
1	Độ đục (*)	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,29	0,32	0,35
2	pH (*)	-	TCVN 6492: 2011	6,0- 8,5	7,60	7,65	7,62
3	Clo dư (*)	mg/l	Hach 8021	0,2- 1,0	0,60	0,42	0,36
4	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185: 2015	15	5,30	5,50	5,90
5	Mùi (*)	-	HDTN 04- 2026	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	Sắt (Fe) (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	0,02	0,02	0,03
7	Độ cứng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	120	120	120

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
8	Nitrit (NO_2^-) (tính theo N) (*)	mg/l	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0,9	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
9	Chỉ số pemanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	0,41	0,48	0,48
10	Mangan (Mn) (*)	mg/l	TCVN 6002: 1995	0,1	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
11	Cyanua (CN^-)	mg/l	Nội bộ	0,05	0,0	0,0	0,0
12	Sunphat (SO_4^{2-})	mg/l	Hach 8051	250	5,00	5,00	5,00
13	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	Hach 8039	11	0,80	0,78	0,82
14	Nhôm (Al)	mg/l	Hach 8012	0,2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
15	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/l	Hach 8155	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
16	Đồng (Cu)	mg/l	Hach 8506	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
17	Chì (Pb)	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
18	Kẽm (Zn)	mg/l	Hach 8009	2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
19	Asen	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
20	Coliforms(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
21	E.coli(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú:

- Giới hạn theo QCVN: 01-1:2024/BYT
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử
- KPH: Không phát hiện (Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định
- Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu đã được công nhận phù hợp với ISO/IEC: 17025:2017
- Chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Việt Trì, ngày 31 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN
THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Thị Thu Trang

PHÓ PHÒNG
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Nguyễn Thị Tuyến

LÃNH ĐẠO DUYỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ THỌ

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Nam Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ THỌ
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
Địa chỉ: Số 8 – đường Trần Phú – Tân Dân – Việt Trì – Phú Thọ
Tel: 02103846531 - 02103848064

VILAS 1301

Số: 106 – 26 /QLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên khách hàng/ *Customer name:* Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ.
Địa chỉ/ *Address:* Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Tên mẫu/ *Sample name:* Mẫu 1- 23/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại bể chứa Xí nghiệp cấp nước Đoan Hùng
Mẫu 2- 24/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Bệnh viện đa khoa Hùng Vương- Chí Đám- Xí nghiệp cấp nước Đoan Hùng
Mẫu 3- 25/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Nguyễn Ngọc Anh – Ngọc Quan - Xí nghiệp cấp nước Đoan Hùng
Tình trạng mẫu/ *Obvervation of sample*: Đựng trong chai nhựa, bảo quản nhiệt độ thường
Số lượng mẫu/ *Quantity of sample:* 03 Mã số mẫu/ *Code of sample*: 23- 25/17/08/26
Ngày gửi mẫu/ *Send date of sample*: 17/08/2026 Ngày kiểm nghiệm/ *Check date*: 17- 31/08/2026
Lưu mẫu/ *Save of sample:* Theo QĐ-01.

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
1	Độ đục (*)	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,36	0,40	0,42
2	pH (*)	-	TCVN 6492: 2011	6,0- 8,5	7,40	7,45	7,46
3	Clo dư (*)	mg/l	Hach 8021	0,2- 1,0	0,74	0,54	0,44
4	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185: 2015	15	5,30	5,65	5,80
5	Mùi (*)	-	HDTN 04- 2026	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	Sắt (Fe) (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	0,02	0,03	0,02
7	Độ cứng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	70	70	70

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
8	Nitrit (NO_2^-) (tính theo N) (*)	mg/l	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0,9	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
9	Chỉ số pemanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	0,32	0,38	0,35
10	Mangan (Mn) (*)	mg/l	TCVN 6002: 1995	0,1	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
11	Cyanua (CN^-)	mg/l	Nội bộ	0,05	0,0	0,0	0,0
12	Sunphat (SO_4^{2-})	mg/l	Hach 8051	250	4,00	4,00	4,00
13	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	Hach 8039	11	0,69	0,72	0,70
14	Nhôm (Al)	mg/l	Hach 8012	0,2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
15	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/l	Hach 8155	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
16	Đồng (Cu)	mg/l	Hach 8506	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
17	Chì (Pb)	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
18	Kẽm (Zn)	mg/l	Hach 8009	2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
19	Asen	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
20	Coliforms(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
21	E.coli(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú:

- Giới hạn theo QCVN: 01-1:2024/BYT
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử
- KPH: Không phát hiện (Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định
- Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu đã được công nhận phù hợp với ISO/IEC: 17025:2017
- Chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Việt Trì, ngày 31 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN THỬ NGHIỆM VIÊN	PHÓ PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC	LÃNH ĐẠO DUYỆT
Nguyễn Thị Thu Trang	Nguyễn Thị Tuyến	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Nam Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ THỌ
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
Địa chỉ: Số 8 – đường Trần Phú – Tân Dân – Việt Trì – Phú Thọ
Tel: 02103846531 - 02103848064

VILAS 1301

Số: 107-26 /QLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên khách hàng/ *Customer name:* Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ.

Địa chỉ/ *Address:* Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Tên mẫu/ *Sample name:* Mẫu 1- 26/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại bể chứa Xí nghiệp cấp nước Thanh Ba
Mẫu 2- 27/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Trường THCS Ninh Dân- xã Hoàng Cương - Xí nghiệp cấp nước Thanh Ba
Mẫu 3- 28/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Phùng Văn Tiến –Khu 3- xã Thanh Ba -Xí nghiệp cấp nước Thanh Ba

Tình trạng mẫu/ *Obvervation of sample*: Đựng trong chai nhựa, bảo quản nhiệt độ thường

Số lượng mẫu/ *Quantity of sample:* 03 Mã số mẫu/ *Code of sample*: 26 - 28/17/08/26

Ngày gửi mẫu/ *Send date of sample*: 17/08/2026 Ngày kiểm nghiệm/ *Check date*: 17- 31/08/2026

Lưu mẫu/ *Save of sample:* Theo QĐ-01.

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
1	Độ đục (*)	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,27	0,29	0,31
2	pH (*)	-	TCVN 6492: 2011	6,0- 8,5	7,65	7,68	7,70
3	Clo dư (*)	mg/l	Hach 8021	0,2- 1,0	0,65	0,48	0,36
4	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185: 2015	15	4,90	5,38	5,50
5	Mùi (*)	-	HDTN 04- 2026	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	Sắt (Fe) (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	0,01	0,02	0,03
7	Độ cứng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	110	110	110

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
8	Nitrit (NO_2^-) (tính theo N) (*)	mg/l	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0,9	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
9	Chỉ số pemanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	0,35	0,41	0,41
10	Mangan (Mn) (*)	mg/l	TCVN 6002: 1995	0,1	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
11	Cyanua (CN^-)	mg/l	Nội bộ	0,05	0,0	0,0	0,0
12	Sunphat (SO_4^{2-})	mg/l	Hach 8051	250	4,00	4,00	4,00
13	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	Hach 8039	11	0,76	0,77	0,80
14	Nhôm (Al)	mg/l	Hach 8012	0,2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
15	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/l	Hach 8155	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
16	Đồng (Cu)	mg/l	Hach 8506	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
17	Chì (Pb)	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
18	Kẽm (Zn)	mg/l	Hach 8009	2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
19	Asen	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
20	Coliforms(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
21	E.coli(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú:

- Giới hạn theo QCVN: 01-1:2024/BYT
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử
- KPH: Không phát hiện (Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định
- Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu đã được công nhận phù hợp với ISO/IEC: 17025:2017
- Chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Việt Trì, ngày 31 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN THỬ NGHIỆM VIÊN	PHÓ PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC	LÃNH ĐẠO DUYỆT
Nguyễn Thị Thu Trang	Nguyễn Thị Tuyến	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Nam Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ THỌ
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
Địa chỉ: Số 8 – đường Trần Phú – Tân Dân – Việt Trì – Phú Thọ
Tel: 02103846531 - 02103848064

VILAS 1301

Số: 108-26 */QLCL*

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên khách hàng/ *Customer name:* Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ.
Địa chỉ/ *Address:* Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Tên mẫu/ *Sample name:* Mẫu 1- 29/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại bể chứa Xí nghiệp cấp nước Tân Sơn
Mẫu 2- 30/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Uỷ ban nhân dân xã Thu Cúc- Xí nghiệp cấp nước Tân Sơn
Mẫu 3- 31/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Công an xã Minh Đài - Xí nghiệp cấp nước Tân Sơn
Tình trạng mẫu/ *Obvervation of sample*: Đựng trong chai nhựa, bảo quản nhiệt độ thường
Số lượng mẫu/ *Quantity of sample:* 03 Mã số mẫu/ *Code of sample*: 29- 31/17/08/26
Ngày gửi mẫu/ *Send date of sample*: 17/08/2026 Ngày kiểm nghiệm/ *Check date*: 17- 31/08/2026
Lưu mẫu/ *Save of sample:* Theo QĐ-01.

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
1	Độ đục (*)	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,32	0,38	0,35
2	pH (*)	-	TCVN 6492: 2011	6,0- 8,5	7,48	7,55	7,50
3	Clo dư (*)	mg/l	Hach 8021	0,2- 1,0	0,70	0,30	0,38
4	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185: 2015	15	5,38	5,80	5,60
5	Mùi(*)	-	HDTN 04- 2026	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	Sắt (Fe) (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	0,01	0,02	0,01
7	Độ cứng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	80	80	80

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
8	Nitrit (NO_2^-) (tính theo N) (*)	mg/l	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0,9	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
9	Chỉ số pemanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	0,35	0,41	0,38
10	Mangan (Mn) (*)	mg/l	TCVN 6002: 1995	0,1	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
11	Cyanua (CN^-)	mg/l	Nội bộ	0,05	0,0	0,0	0,0
12	Sunphat (SO_4^{2-})	mg/l	Hach 8051	250	5,00	5,00	5,00
13	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	Hach 8039	11	0,68	0,71	0,74
14	Nhôm (Al)	mg/l	Hach 8012	0,2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
15	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/l	Hach 8155	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
16	Đồng (Cu)	mg/l	Hach 8506	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
17	Chì (Pb)	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
18	Kẽm (Zn)	mg/l	Hach 8009	2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
19	Asen	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
20	Coliforms(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
21	E.coli(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú:

- Giới hạn theo QCVN: 01-1:2024/BYT
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử
- KPH: Không phát hiện (Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định
- Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu đã được công nhận phù hợp với ISO/IEC: 17025:2017
- Chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Việt Trì, ngày 31 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN THỬ NGHIỆM VIÊN	PHÓ PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC	LÃNH ĐẠO DUYỆT
Nguyễn Thị Thu Trang	Nguyễn Thị Tuyến	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Nam Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ THỌ
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
Địa chỉ: Số 8 – đường Trần Phú – Tân Dân – Việt Trì – Phú Thọ
Tel: 02103846531 - 02103848064

VILAS 1301

Số: 109 - 26 /QLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên khách hàng/ *Customer name:* Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ.

Địa chỉ/ *Address:* Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Tên mẫu/ *Sample name:* Mẫu 1- 32/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại bể chứa Xí nghiệp cấp nước Trung Nghĩa

Mẫu 2- 33/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Hoàng Thị Thuỷ - khu 9- xã Tu Vũ- Xí nghiệp cấp nước Trung Nghĩa

Mẫu 3- 34/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Lương Thị Mai - khu 1- xã Thanh Thuỷ - Xí nghiệp cấp nước Trung Nghĩa

Tình trạng mẫu/ *Obervation of sample*: Đựng trong chai nhựa, bảo quản nhiệt độ thường

Số lượng mẫu/ *Quantity of sample:* 03 Mã số mẫu/ *Code of sample*: 32- 34/17/08/26

Ngày gửi mẫu/ *Send date of sample*: 17/08/2026 Ngày kiểm nghiệm/ *Check date*: 17- 31/08/2026

Lưu mẫu/ *Save of sample:* Theo QĐ-01.

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
1	Độ đục (*)	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,22	0,29	0,31
2	pH (*)	-	TCVN 6492: 2011	6,0- 8,5	7,42	7,46	7,52
3	Clo dư (*)	mg/l	Hach 8021	0,2- 1,0	0,58	0,36	0,26
4	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185: 2015	15	4,60	5,00	5,10
5	Mùi (*)	-	HDTN 04- 2026	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	Sắt (Fe) (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	0,01	0,02	0,02
7	Độ cứng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	80	80	80

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
8	Nitrit (NO_2^-) (tính theo N) (*)	mg/l	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0,9	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
9	Chỉ số pemanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	0,29	0,35	0,35
10	Mangan (Mn) (*)	mg/l	TCVN 6002: 1995	0,1	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
11	Cyanua (CN^-)	mg/l	Nội bộ	0,05	0,0	0,0	0,0
12	Sunphat (SO_4^{2-})	mg/l	Hach 8051	250	4,50	4,50	4,50
13	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	Hach 8039	11	0,80	0,82	0,79
14	Nhôm (Al)	mg/l	Hach 8012	0,2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
15	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/l	Hach 8155	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
16	Đồng (Cu)	mg/l	Hach 8506	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
17	Chì (Pb)	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
18	Kẽm (Zn)	mg/l	Hach 8009	2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
19	Asen	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
20	Coliforms(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
21	E.coli(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú:

- *Giới hạn theo QCVN: 01-1:2024/BYT*
- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử*
- *KPH: Không phát hiện (Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)*
- *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ*
- *Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng*
- *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định*
- *Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu đã được công nhận phù hợp với ISO/IEC: 17025:2017*
- *Chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.*

Việt Trì, ngày 31 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN THỬ NGHIỆM VIÊN	PHÓ PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC	LÃNH ĐẠO DUYỆT
Nguyễn Thị Thu Trang	Nguyễn Thị Tuyến	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Nam Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ THỌ
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
Địa chỉ: Số 8 – đường Trần Phú – Tân Dân – Việt Trì – Phú Thọ
Tel: 02103846531 - 02103848064

VILAS 1301

Số: 110-26 /QLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên khách hàng/ *Customer name:* Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ.
Địa chỉ/ *Address:* Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Tên mẫu/ *Sample name:* Mẫu 1- 35/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại bể chứa Xí nghiệp cấp nước Yên Lập
Mẫu 2- 36/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Nguyễn Văn Sự -khu Tân An 2 - xã Yên Lập- Xí nghiệp cấp nước Yên Lập
Mẫu 3- 37/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Hà Văn Lâm- khu Lương Đậu- xã Yên Lập- Xí nghiệp cấp nước Yên Lập
Tình trạng mẫu/ *Obvervation of sample*: Đựng trong chai nhựa, bảo quản nhiệt độ thường
Số lượng mẫu/ *Quantity of sample:* 03 Mã số mẫu/ *Code of sample*: 35- 37/17/08/26
Ngày gửi mẫu/ *Send date of sample*: 17/08/2026 Ngày kiểm nghiệm/ *Check date*: 17-31/08/2026
Lưu mẫu/ *Save of sample:* Theo QĐ-01.

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
1	Độ đục (*)	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,36	0,40	0,45
2	pH (*)	-	TCVN 6492: 2011	6,0- 8,5	7,38	7,41	7,40
3	Clo dư (*)	mg/l	Hach 8021	0,2- 1,0	0,60	0,28	0,30
4	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185: 2015	15	5,50	5,85	6,20
5	Mùi (*)	-	HDTN 04- 2026	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	Sắt (Fe) (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	0,03	0,03	0,03
7	Độ cứng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	60	60	60

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
8	Nitrit (NO_2^-) (tính theo N) (*)	mg/l	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0,9	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
9	Chỉ số pemanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	0,51	0,51	0,54
10	Mangan (Mn) (*)	mg/l	TCVN 6002: 1995	0,1	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
11	Cyanua (CN^-)	mg/l	Nội bộ	0,05	0,0	0,0	0,0
12	Sunphat (SO_4^{2-})	mg/l	Hach 8051	250	5,00	5,00	5,00
13	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	Hach 8039	11	0,82	0,81	0,84
14	Nhôm (Al)	mg/l	Hach 8012	0,2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
15	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/l	Hach 8155	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
16	Đồng (Cu)	mg/l	Hach 8506	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
17	Chì (Pb)	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
18	Kẽm (Zn)	mg/l	Hach 8009	2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
19	Asen	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
20	Coliforms(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
21	E.coli(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú:

- *Giới hạn theo QCVN: 01-1:2024/BYT*
- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử*
- *KPH: Không phát hiện (Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)*
- *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ*
- *Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng*
- *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định*
- *Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu đã được công nhận phù hợp với ISO/IEC: 17025:2017*
- *Chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.*

Việt Trì, ngày 31 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN THỬ NGHIỆM VIÊN	PHÓ PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC	LÃNH ĐẠO DUYỆT
Nguyễn Thị Thu Trang	Nguyễn Thị Tuyến	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Nam Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ THỌ
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
Địa chỉ: Số 8 – đường Trần Phú – Tân Dân – Việt Trì – Phú Thọ
Tel: 02103846531 - 02103848064

VILAS 1301

Số: 111-26 */QLCL*

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên khách hàng/ *Customer name:* Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ.
Địa chỉ/ *Address:* Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Tên mẫu/ *Sample name:* Mẫu 1- 38/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại bể chứa Xí nghiệp cấp nước Tề Lễ
Mẫu 2- 39/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: HGĐ Vinh Lan -khu 3- Quang Húc - Xí nghiệp cấp nước Tề Lễ
Mẫu 3- 40/17/08/26Mẫu nước máy qua xử lý tại: HGĐ Lĩnh Na - khu 9 - Đồng Lương - Xí nghiệp cấp nước Tề Lễ
Tình trạng mẫu/ *Obervation of sample*: Đựng trong chai nhựa, bảo quản nhiệt độ thường
Số lượng mẫu/ *Quantity of sample:* 03 Mã số mẫu/ *Code of sample*: 38- 40/17/08/26
Ngày gửi mẫu/ *Send date of sample*: 17/08/2026 Ngày kiểm nghiệm/ *Check date*: 17- 31/08/2026
Lưu mẫu/ *Save of sample:* Theo QĐ-01.

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
1	Độ đục (*)	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,38	0,42	0,48
2	pH (*)	-	TCVN 6492: 2011	6,0- 8,5	7,68	7,70	7,69
3	Clo dư (*)	mg/l	Hach 8021	0,2- 1,0	0,58	0,31	0,20
4	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185: 2015	15	5,60	6,00	6,32
5	Mùi (*)	-	HDTN 04- 2026	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	Sắt (Fe) (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	0,02	0,02	0,03
7	Độ cứng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	90	90	90

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
8	Nitrit (NO_2^-) (tính theo N) (*)	mg/l	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0,9	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
9	Chỉ số pemanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	0,51	0,54	0,54
10	Mangan (Mn) (*)	mg/l	TCVN 6002: 1995	0,1	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
11	Cyanua (CN^-)	mg/l	Nội bộ	0,05	0,0	0,0	0,0
12	Sunphat (SO_4^{2-})	mg/l	Hach 8051	250	4,00	4,00	4,00
13	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	Hach 8039	11	0,82	0,80	0,85
14	Nhôm (Al)	mg/l	Hach 8012	0,2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
15	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/l	Hach 8155	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
16	Đồng (Cu)	mg/l	Hach 8506	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
17	Chì (Pb)	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
18	Kẽm (Zn)	mg/l	Hach 8009	2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
19	Asen	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
20	Coliforms(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
21	E.coli(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú:

- *Giới hạn theo QCVN: 01-1:2024/BYT*
- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử*
- *KPH: Không phát hiện (Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)*
- *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ*
- *Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng*
- *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định*
- *Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu đã được công nhận phù hợp với ISO/IEC: 17025:2017*
- *Chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.*

Việt Trì, ngày 31 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN THỬ NGHIỆM VIÊN	PHÓ PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC	LÃNH ĐẠO DUYỆT PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Nam Hải
Nguyễn Thị Thu Trang	Nguyễn Thị Tuyến	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ THỌ
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
Địa chỉ: Số 8 – đường Trần Phú – Tân Dân – Việt Trì – Phú Thọ
Tel: 02103846531 - 02103848064

VILAS 1301

Số: 112 - 26 /QLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên khách hàng/ *Customer name:* Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ.
Địa chỉ/ *Address:* Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Tên mẫu/ *Sample name:* Mẫu 1- 41/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại bể chứa XNCN Phú Mỹ
Mẫu 2- 42/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Vũ Thị Hạnh - khu 5- xã Phú Lộc - XNCN Phú Mỹ
Mẫu 3- 43/17/08/26: Mẫu nước máy qua xử lý tại: Trần Văn Đức - khu 2- xã Trị Quận - XNCN Phú Mỹ
Tình trạng mẫu/ *Obvervation of sample*: Đựng trong chai nhựa, bảo quản nhiệt độ thường
Số lượng mẫu/ *Quantity of sample:* 03 Mã số mẫu/ *Code of sample*: 41- 43/17/08/26
Ngày gửi mẫu/ *Send date of sample*: 17/08/2026 Ngày kiểm nghiệm/ *Check date*: 17- 31/08/2026
Lưu mẫu/ *Save of sample:* Theo QĐ-01.

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
1	Độ đục (*)	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,32	0,36	0,35
2	pH (*)	-	TCVN 6492: 2011	6,0- 8,5	7,42	7,50	7,48
3	Clo dư (*)	mg/l	Hach 8021	0,2- 1,0	0,65	0,26	0,30
4	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185: 2015	15	5,00	5,60	5,38
5	Mùi (*)	-	HDTN 04- 2026	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	Sắt (Fe) (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	0,01	0,02	0,02

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
7	Độ cứng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	110	110	110
8	Nitrit (NO_2^-) (tính theo N) (*)	mg/l	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0,9	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
9	Chỉ số pemanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	0,32	0,38	0,35
10	Mangan (Mn) (*)	mg/l	TCVN 6002: 1995	0,1	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
11	Cyanua (CN^-)	mg/l	Nội bộ	0,05	0,0	0,0	0,0
12	Sunphat (SO_4^{2-})	mg/l	Hach 8051	250	4,00	4,00	4,00
13	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	Hach 8039	11	0,75	0,78	0,76
14	Nhôm (Al)	mg/l	Hach 8012	0,2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
15	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/l	Hach 8155	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
16	Đồng (Cu)	mg/l	Hach 8506	1	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)
17	Chì (Pb)	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0
18	Kẽm (Zn)	mg/l	Hach 8009	2	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
19	Asen	mg/l	Nội bộ	0,01	0,0	0,0	0,0

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả		
					Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3
20	Coliforms(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH
21	E.coli(**)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú:

- *Giới hạn theo QCVN: 01-1:2024/BYT*
- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử*
- *KPH: Không phát hiện (Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)*
- *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ*
- *Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng*
- *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định*
- *Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu đã được công nhận phù hợp với ISO/IEC: 17025:2017*
- *Chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.*

Việt Trì, ngày 31 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN THỬ NGHIỆM VIÊN	PHÓ PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC	LÃNH ĐẠO DUYỆT
Nguyễn Thị Thu Trang	Nguyễn Thị Tuyến	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Nam Hải